CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cà Mau, ngày 21 tháng 10 năm 2026

BẢNG CÔNG BỐ
THÔNG TIN NỘI KIỂM CHẤT LƯỢNG NƯỚC THÀNH PHẨM THÁNG 10/2026

- Tổng số mẫu xét nghiệm : 81 mẫu
- Tổng số mẫu đạt quy chuẩn : 81 mẫu
- Tổng số chỉ tiêu thử nghiệm, tần suất A : 10 chỉ tiêu
  + Tổng số chỉ tiêu đạt quy chuẩn : 10 chỉ tiêu
  + Tổng số chỉ tiêu chưa đạt quy chuẩn : 00 chỉ tiêu

Tháng	Mức độ giám sát	Lý Hóa		Vi sinh		Liệt kê giá trị các chỉ tiêu không đạt
		Số mẫu	Đạt (%)	Số mẫu	Đạt (%)	
09	A	81	100	81	100	
Tổng cộng		**81**	**100**	**81**	**100**	

(Kết quả chất lượng nước thành phẩm có phụ lục đính kèm)

Kết luận: Chất lượng nước thuộc hệ thống cấp nước do Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau đang quản lý đạt yêu cầu của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt (**QCVN 01-1:2024/BYT**)./.

Nơi nhận:
- CT HĐQT (b/c);
- Ban TGĐ (b/c);
- Công bố trên Web Công ty;
- Lưu PTN (HS ISO).

TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 2000101918 C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU P.TÂN THÀNH-T.CÀ MAU

Phạm Phước Tài

PHỤ LỤC

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG NƯỚC THÀNH PHẨM THÁNG 10/2026

STT	Xí nghiệp, Chi nhánh cấp nước	Số mẫu hóa lý	Số mẫu vi sinh	Kết quả hóa lý		Kết quả vi sinh		Ghi chú (KQ chưa đạt)
				Đạt	Chưa đạt	Đạt	Chưa đạt	
1	Xí nghiệp Cấp nước Cà Mau 1 (CM1)	13	13	13	0	13	0	
2	Xí nghiệp Cấp nước Cà Mau 2 (CM2)	14	14	14	0	14	0	
3	Xí nghiệp Cấp nước và Môi trường Năm Căn (NC)	4	4	4	0	4	0	
4	Chi nhánh Cấp nước Cái Đôi Vàm (CĐV, *CĐV.VT*)	6	6	6	0	6	0	
5	Chi nhánh Cấp nước Sông Đốc (SĐ)	7	7	7	0	7	0	
6	Chi nhánh Cấp nước Trần Văn Thời (TVT)	4	4	4	0	4	0	
7	Chi nhánh Cấp nước Cái Nước (CN)	4	4	4	0	4	0	
8	Chi nhánh Cấp nước Đầm Dơi (ĐD, *ĐD.QP*)	7	7	7	0	7	0	
9	Chi nhánh. Cấp nước Khánh An (KA)	9	9	9	0	9	0	
10	Chi nhánh Cấp nước Phan Ngọc Hiển (PNH)	5	5	5	0	5	0	
11	Chi nhánh Cấp nước Thới Bình (TB)	8	8	8	0	8	0	
Tổng cộng		**81**	**81**	**81**	**0**	**81**	**0**	
Tỉ lệ (%)				***100***	***0***	***100***	***0***	

Ghi chú: Chi tiết kết quả từng mẫu được thể hiện tại Danh sách mẫu và Bảng tổng hợp kết quả đính kèm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU
PHÒNG THỬ NGHIỆM
THUỘC PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN
VLAT 1.1488
ISO/IEC 17025:2017
Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 3, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau
Điện thoại: 02903 836 360 - 02903 836 723 - Fax: 0290 383 6723 - Email: ctycapnuoccamau@yahoo.com
Website: https://ctncamau.com.vn/

DANH SÁCH MẪU NƯỚC THÀNH PHẨM
THÁNG 10 NĂM 2026

STT	Ký hiệu phiếu nhận mẫu	Số mẫu	Địa chỉ	Mã hóa	Ngày kiểm	PP bảo quản
1	CM1/10.2026	1	Đầu mạng Trạm 1	26.ĐK.0719	5/10	Tủ mát
2		2	Đầu mạng Trạm 2	26.ĐK.0720	5/10	Tủ mát
3		3	Đầu mạng Trạm 20	26.ĐK.0721	5/10	Tủ mát
4		4	Đầu mạng Trạm 23	26.ĐK.0722	5/10	Tủ mát
5		5	Đầu mạng Trạm 24	26.ĐK.0723	5/10	Tủ mát
6		6	Đầu mạng Trạm 27	26.ĐK.0724	5/10	Tủ mát
7		7	Đầu mạng Trạm 30	26.ĐK.0725	5/10	Tủ mát
8		8	Đầu mạng Nhà máy số 1	26.ĐK.0726	5/10	Tủ mát
9		9	Đầu mạng Trạm 18	26.ĐK.0727	5/10	Tủ mát
10		10	Đầu mạng Trạm Tắc Vân	26.ĐK.0728	5/10	Tủ mát
11		11	Số 20 đường An Dương Vương, P. Tân Thành (giữa mạng)	26.ĐK.0729	5/10	Tủ mát
12		12	Số 350 đường Lý Thường Kiệt, P. Tân Thành (giữa mạng)	26.ĐK.0730	5/10	Tủ mát
13		13	Số 214 QL1A, khóm 11, P. Tân Thành (cuối mạng)	26.ĐK.0731	5/10	Tủ mát
14	CM2/10.2026	1	Đầu mạng Trạm 15	26.ĐK.0732	5/10	Tủ mát
15		2	Đầu mạng Trạm 21	26.ĐK.0733	5/10	Tủ mát
16		3	Đầu mạng Trạm 26	26.ĐK.0734	5/10	Tủ mát
17		4	Đầu mạng Trạm 29	26.ĐK.0735	5/10	Tủ mát
18		5	Đầu mạng Trạm 4	26.ĐK.0736	5/10	Tủ mát
19		6	Đầu mạng Trạm 12	26.ĐK.0737	5/10	Tủ mát
20		7	Đầu mạng Nhà Máy số 2	26.ĐK.0738	5/10	Tủ mát
21		8	Đầu mạng Trạm 16	26.ĐK.0739	5/10	Tủ mát
22		9	Đầu mạng Trạm 25	26.ĐK.0740	5/10	Tủ mát
23		10	Đầu mạng Trạm 22	26.ĐK.0741	5/10	Tủ mát
24		11	Đầu mạng Trạm 31	26.ĐK.0742	5/10	Tủ mát

STT	Ký hiệu phiếu nhận mẫu	Số mẫu	Địa chỉ	Mã hóa	Ngày kiểm	PP bảo quản
25	CM2/10.2026	12	Số 46 đường số N17, Khu ĐT Bạch Đằng, P. Lý Văn Lâm (cuối mạng)	26.ĐK.0743	5/10	Tủ mát
26		13	Số 17, Đường Số 6 (Khu TĐC P4 cũ), P. An Xuyên (giữa mạng)	26.ĐK.0744	5/10	Tủ mát
27		14	Số 566, Đường số 7, KDC Tân Xuyên cũ, P. An Xuyên (cuối mạng)	26.ĐK.0745	5/10	Tủ mát
28	NC/10.2026	1	Đầu mạng Trạm Năm Căn	26.ĐK.0746	6/10	Tủ mát
29		2	Đầu mạng Trạm Hàng Vịnh	26.ĐK.0747	6/10	Tủ mát
30		3	Bùi Thị Thu Vân, đường Châu Văn Đặng, xã Năm Căn (giữa mạng)	26.ĐK.0748	6/10	Tủ mát
31		4	Đoàn Văn Hiệp, ấp Cái Nầy, khóm Hàng Vịnh, xã Năm Căn (cuối mạng)	26.ĐK.0749	6/10	Tủ mát
32	CĐV/10.2026	1	Đầu mạng Trạm Bờ Bắc Cái Đôi Vàm	26.ĐK.0750	6/10	Tủ mát
33		2	Đầu mạng Trạm Bờ Nam Cái Đôi Vàm	26.ĐK.0751	6/10	Tủ mát
34		3	Nguyễn Tấn Đạt, đường Cách Mạng Tháng 8, ấp 1, xã Cái Đôi Vàm (giữa mạng)	26.ĐK.0752	6/10	Tủ mát
35		4	Trần Thị Đỏ, đường Trần Văn Thời, ấp 6, xã Cái Đôi Vàm (cuối mạng)	26.ĐK.0753	6/10	Tủ mát
36	SĐ/10.2026	1	Đầu mạng Trạm 1 - Sông Đốc	26.ĐK.0754	7/10	Tủ mát
37		2	Đầu mạng Trạm Bờ Bắc Sông Đốc	26.ĐK.0755	7/10	Tủ mát
38		3	Đầu mạng Trạm Bờ Nam Sông Đốc	26.ĐK.0756	7/10	Tủ mát
39		4	Bùi Thị Mai, ấp 11, xã Sông Đốc (giữa mạng bờ bắc)	26.ĐK.0757	7/10	Tủ mát
40		5	Hà Công Khanh, ấp 12, xã Sông Đốc (cuối mạng bờ bắc)	26.ĐK.0758	7/10	Tủ mát
41		6	Đỗ Thị Vinh, ấp 1, xã Sông Đốc (giữa mạng bờ nam)	26.ĐK.0759	7/10	Tủ mát
42		7	Phan Thị Chúc Muội , ấp 5, xã Sông Đốc (cuối mạng bờ nam)	26.ĐK.0760	7/10	Tủ mát
43	TVT/10.2026	1	Đầu mạng Trạm 2 - Trần Văn Thời	26.ĐK.0761	7/10	Tủ mát
44		2	Đầu mạng Trạm 3 - Trần Văn Thời	26.ĐK.0762	7/10	Tủ mát
45		3	Nguyễn Thiện Nhân, đường Nguyễn Ngọc Sanh, xã Trần Văn Thời (giữa mạng)	26.ĐK.0763	7/10	Tủ mát
46		4	Nguyễn An Khang, đườngNguyễn Trung Thành, xã Trần Văn Thời (cuối mạng)	26.ĐK.0764	7/10	Tủ mát
47	CN/10.2026	1	Đầu mạng Trạm 1- Cái Nước	26.ĐK.0765	7/10	Tủ mát
48		2	Đầu mạng Trạm 2 - Cái Nước	26.ĐK.0766	7/10	Tủ mát
49		3	Huỳnh Hồng Tiếng, đường Cách Mạng Tháng 8, ấp 1, xã Cái Nước (giữa mạng)	26.ĐK.0767	7/10	Tủ mát

STT	Ký hiệu phiếu nhận mẫu	Số mẫu	Địa chỉ	Mã hóa	Ngày kiểm	PP bảo quản
50	**CN/10.2026**	4	Huỳnh Công Đảm, đường Nguyễn Văn Trỗi, xã Cái Nước (cuối mạng)	26.ĐK.0768	7/10	Tủ mát
51	**ĐD/10.2026**	1	Đầu mạng Trạm 1- Đầm Dơi	26.ĐK.0769	12/10	Tủ mát
52		2	Đầu mạng Trạm 2 - Đầm Dơi	26.ĐK.0770	12/10	Tủ mát
53		3	Đầu mạng Trạm 3 - Đầm Dơi	26.ĐK.0771	12/10	Tủ mát
54		4	Nguyễn Văn Út, đường Dương Thị Cẩm Vân, xã Đầm Dơi (giữa mạng)	26.ĐK.0772	12/10	Tủ mát
55		5	Trương Thị Hiệp, đường Lưu Tấn Thành, xã Đầm Dơi (cuối mạng)	26.ĐK.0773	12/10	Tủ mát
56	**ĐD.QP/10.2026**	1	Đầu mạng Trạm Quách Phẩm - Đầm Dơi	26.ĐK.0774	12/10	Tủ mát
57		2	Nguyễn Thị Loan, ấp Xóm Dừa, xã Quách Phẩm (cuối mạng)	26.ĐK.0775	12/10	Tủ mát
58	**KA/10.2026**	1	Đầu mạng Trạm U Minh	26.ĐK.0776	12/10	Tủ mát
59		2	Đầu mạng Trạm Khánh An	26.ĐK.0777	12/10	Tủ mát
60		3	Đầu mạng Trạm Khánh Hội	26.ĐK.0778	12/10	Tủ mát
61		4	Nguyễn Thị Nga, số 41 đường số 1, ấp 1, khu TĐC, xã Khánh An (giữa mạng)	26.ĐK.0779	12/10	Tủ mát
62		5	Phạm Tấn Lợi, T23, ấp 15, khu TĐC, xã Khánh An (cuối mạng)	26.ĐK.0780	12/10	Tủ mát
63		6	Hà Nguyễn Dung, ấp 1, xã Nguyễn Phích (giữa mạng)	26.ĐK.0781	12/10	Tủ mát
64		7	Trịnh Hùng Dũng, ấp 2, xã Nguyễn Phích (cuối mạng)	26.ĐK.0782	12/10	Tủ mát
65		8	Lý Hồng Mận, ấp 3, xã Khánh Lâm (giữa mạng)	26.ĐK.0783	12/10	Tủ mát
66		9	Lý Thị Thương, ấp 3, xã Khánh Lâm (cuối mạng)	26.ĐK.0784	12/10	Tủ mát
67	**PNH/10.2026**	1	Đầu mạng Trạm 2 - Phan Ngọc Hiển	26.ĐK.0785	13/10	Tủ mát
68		2	Đầu mạng Trạm 3 - Phan Ngọc Hiển	26.ĐK.0786	13/10	Tủ mát
69		3	Đầu mạng Trạm 4 - Phan Ngọc Hiển	26.ĐK.0787	13/10	Tủ mát
70		4	Võ Minh Luân, Ấp Kênh Ba, xã Phan Ngọc Hiển (giữa mạng)	26.ĐK.0788	13/10	Tủ mát
71		5	Vũ Bằng, ấp Dinh Hạ, xã Tân Ân (cuối mạng)	26.ĐK.0789	13/10	Tủ mát
72	**CĐV.VT/10.2026**	1	Đầu mạng Trạm Việt Thắng - xã Nguyễn Việt Khái	26.ĐK.0790	13/10	Tủ mát
73		2	Nguyễn Văn Hai, ấp Hiệp Thành, xã Nguyễn Việt Khái (cuối mạng)	26.ĐK.0791	13/10	Tủ mát

STT	Ký hiệu phiếu nhận mẫu	Số mẫu	Địa chỉ	Mã hóa	Ngày kiểm	PP bảo quản
74	TB/10.2026	1	Đầu mạng Trạm 1 - Thới Bình	26.ĐK.0792	13/10	Tủ mát
75		2	Đầu mạng Trạm 2 - Thới Bình	26.ĐK.0793	13/10	Tủ mát
76		3	Đầu mạng Trạm khóm 4 - Thới Bình	26.ĐK.0794	13/10	Tủ mát
77		4	Đầu mạng Trạm Trí Phải	26.ĐK.0795	13/10	Tủ mát
78		5	Trần Tố Nữ, đường Lê Duẩn, ấp Thới Bình, xã Thới Bình (giữa mạng)	26.ĐK.0796	13/10	Tủ mát
79		6	Trần Thị Phúc, ấp 14, xã Thới Bình (cuối mạng)	26.ĐK.0797	13/10	Tủ mát
80		7	Dương Văn Khôn, ấp 1, xã Trí Phải (giữa mạng)	26.ĐK.0798	13/10	Tủ mát
81		8	Lê Ngọc Mai, ấp 1, xã Trí Phải (cuối mạng)	26.ĐK.0799	13/10	Tủ mát

Cà Mau, ngày 13 tháng 10 năm 2026

NGƯỜI LẬP

Phạm Trường Giang

P. TRƯỞNG PHÒNG

Trương Thị Kim Loan

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

PHÒNG THỬ NGHIỆM THUỘC PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN

Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 3, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau

VLAT 1.1488
ISO/IEC 17025:2017

TỔNG HỢP CHẤT LƯỢNG NƯỚC - THÁNG 10/ 2026
KHU VỰC CÁC PHƯỜNG

TT	Thông số (giới hạn cho phép) / Mã số mẫu	XNCN CÀ MAU 1							Đánh giá kết quả
		26.ĐK.0719	26.ĐK.0720	26.ĐK.0721	26.ĐK.0722	26.ĐK.0723	26.ĐK.0724	26.ĐK.0725	
		1	2	3	4	5	6	7	
1	Màu sắc (*) (≤ 15 TCU)	7	7	8	7	8	8	7	Đạt
2	Mùi (Không có mùi lạ)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
3	Độ đục (*) (≤ 2 NTU)	0.47	0.44	0.47	0.48	0.49	0.49	0.51	Đạt
4	Clo dư tự do (*) (0.2 - 1.0 mg/l)	0.71	0.73	0.70	0.74	0.76	0.75	0.72	Đạt
5	pH (*) (6.0 - 8.5)	7.89	7.92	7.91	7.91	7.87	7.89	7.91	Đạt
6	Amoni (tính theo N) (*) (≤ 1 mg/l)	0.22	0.17	0.23	0.20	0.18	0.24	0.23	Đạt
7	Permanganat (≤ 2 mg/l)	1.1	1.0	0.9	0.9	0.8	0.8	0.9	Đạt
8	Arsenic (≤ 0.01 mg/l)	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
9	Coliform TC (< 1 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	Đạt
10	E.Coli (< 1 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	Đạt

(*) : *Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017*

Cà Mau, ngày 19 tháng 10 năm 2026

NGƯỜI LẬP

Mã Tú Tụa

P. TRƯỞNG PHÒNG

Trương Thị Kim Loan

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU
PHÒNG THỬ NGHIỆM THUỘC PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN
Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 3, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau

VLAT 1.1488
ISO/IEC 17025:2017

TỔNG HỢP CHẤT LƯỢNG NƯỚC - THÁNG 10/ 2026
KHU VỰC CÁC PHƯỜNG

TT	Thông số / Mã số mẫu (giới hạn cho phép)	XNCN CÀ MAU 1						Đánh giá kết quả
		26.ĐK.0726	26.ĐK.0727	26.ĐK.0728	26.ĐK.0729	26.ĐK.0730	26.ĐK.0731	
		8	**9**	**10**	**11**	**12**	**13**	
1	Màu sắc (*) (≤ 15 TCU)	8	7	8	9	9	8	Đạt
2	Mùi (Không có mùi lạ)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
3	Độ đục (*) (≤ 2 NTU)	0.53	0.50	0.50	0.58	0.55	0.58	Đạt
4	Clo dư tự do (*) (0.2 - 1.0 mg/l)	0.77	0.74	0.75	0.48	0.57	0.32	Đạt
5	pH (*) (6.0 - 8.5)	7.89	7.91	7.93	7.89	7.91	7.90	Đạt
6	Amoni (tính theo N) (*) (≤ 1 mg/l)	0.19	0.20	0.17	0.19	0.21	0.18	Đạt
7	Permanganat (≤ 2 mg/l)	0.8	0.9	0.9	1.2	1.0	1.1	Đạt
8	Arsenic (≤ 0.01 mg/l)	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
9	Coliform TC (< 1 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	Đạt
10	E.Coli (< 1 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	Đạt

(*) : *Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017*

Cà Mau, ngày 19 tháng 10 năm 2026

NGƯỜI LẬP

Mã Túa Tụa

P. TRƯỞNG PHÒNG

Trương Thị Kim Loan

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

PHÒNG THỬ NGHIỆM THUỘC PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN

Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 3, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau

ilac-MRA AOSC VLAT 1.1488 ISO/IEC 17025:2017

TỔNG HỢP CHẤT LƯỢNG NƯỚC - THÁNG 10/ 2026
KHU VỰC CÁC PHƯỜNG

TT	Mã số mẫu / Thông số (giới hạn cho phép)	XNCN CÀ MAU 2							Đánh giá kết quả
		26.ĐK.0732	26.ĐK.0733	26.ĐK.0734	26.ĐK.0735	26.ĐK.0736	26.ĐK.0737	26.ĐK.0738	
		1	2	3	4	5	6	7	
1	Màu sắc (*) (≤ 15 TCU)	7	7	8	7	8	8	7	Đạt
2	Mùi (Không có mùi lạ)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
3	Độ đục (*) (≤ 2 NTU)	0.39	0.39	0.43	0.43	0.46	0.43	0.46	Đạt
4	Clo dư tự do (*) (0.2 - 1.0 mg/l)	0.74	0.76	0.71	0.75	0.70	0.76	0.70	Đạt
5	pH (*) (6.0 - 8.5)	7.93	7.88	7.90	7.87	7.91	7.92	7.91	Đạt
6	Amoni (tính theo N) (*) (≤ 1 mg/l)	0.18	0.20	0.17	0.19	0.23	0.19	0.21	Đạt
7	Permanganat (≤ 2 mg/l)	0.8	1.1	0.8	1.0	1.2	1.0	0.9	Đạt
8	Arsenic (≤ 0.01 mg/l)	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
9	Coliform TC (< 1 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	Đạt
10	E.Coli (< 1 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	Đạt

(*) : *Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017*

Cà Mau, ngày 19 tháng 10 năm 2026

NGƯỜI LẬP

Mã Tú Tụa

P. TRƯỞNG PHÒNG

Trương Thị Kim Loan

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

PHÒNG THỬ NGHIỆM THUỘC PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN

Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 3, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau

VLAT 1.1488
ISO/IEC 17025:2017

TỔNG HỢP CHẤT LƯỢNG NƯỚC - THÁNG 10/ 2026
KHU VỰC CÁC PHƯỜNG

TT	Thông số (giới hạn cho phép) / Mã số mẫu	XNCN CÀ MAU 2							Đánh giá kết quả
		26.ĐK.0739	26.ĐK.0740	26.ĐK.0741	26.ĐK.0742	26.ĐK.0743	26.ĐK.0744	26.ĐK.0745	
		8	**9**	**10**	**11**	**12**	**13**	**14**	
1	Màu sắc (*) (≤ 15 TCU)	7	7	8	7	9	10	9	Đạt
2	Mùi (Không có mùi lạ)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
3	Độ đục (*) (≤ 2 NTU)	0.48	0.44	0.49	0.46	0.47	0.5	0.53	Đạt
4	Clo dư tự do (*) (0.2 - 1.0 mg/l)	0.79	0.70	0.73	0.72	0.53	0.32	0.52	Đạt
5	pH (*) (6.0 - 8.5)	7.92	7.89	7.93	7.91	7.91	7.93	7.94	Đạt
6	Amoni (tính theo N) (*) (≤ 1 mg/l)	0.23	0.17	0.24	0.22	0.21	0.16	0.15	Đạt
7	Permanganat (≤ 2 mg/l)	1.1	0.9	1.0	1.1	1.2	1.3	1.2	Đạt
8	Arsenic (≤ 0.01 mg/l)	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
9	Coliform TC (< 1 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	Đạt
10	E.Coli (< 1 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	Đạt

(*) : *Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017*

Cà Mau, ngày 19 tháng 10 năm 2026

NGƯỜI LẬP

Mã Tú Tụa

P. TRƯỞNG PHÒNG

Trương Thị Kim Loan

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU
PHÒNG THỬ NGHIỆM THUỘC PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN
Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 3, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau

VLAT 1.1488
ISO/IEC 17025:2017

TỔNG HỢP CHẤT LƯỢNG NƯỚC - THÁNG 10/ 2026
KHU VỰC CÁC XÃ

TT	Mã số mẫu / Thông số (giới hạn cho phép)	CNCN NĂM CĂN				CNCN CÁI ĐÔI VÀM				Đánh giá kết quả
		26.ĐK.0746	26.ĐK.0747	26.ĐK.0748	26.ĐK.0749	26.ĐK.0750	26.ĐK.0751	26.ĐK.0752	26.ĐK.0753	
		1	2	3	4	1	2	3	4	
1	Màu sắc (*) (≤ 15 TCU)	12	13	13	14	13	12	13	14	Đạt
2	Mùi (không có mùi lạ)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
3	Độ đục (*) (≤ 2NTU)	1.28	1.19	1.25	1.24	1.14	1.17	1.16	1.22	Đạt
4	Clo dư (*) (0.2-1.0mg/l)	0.79	0.73	0.52	0.31	0.78	0.70	0.48	0.34	Đạt
5	pH (*) (6.0-8.5)	7.99	7.89	7.93	7.88	7.85	7.93	7.88	7.86	Đạt
6	Amoni (tính theo N) (*) (≤ 1 mg/l)	0.20	0.19	0.23	0.22	0.23	0.22	0.20	0.21	Đạt
7	Permanganat (≤ 2 mg/l)	1.7	1.9	1.8	1.9	1.7	1.9	1.8	1.9	Đạt
8	Arsenic (≤ 0.01mg/l)	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
9	Coliform TC (< 1 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	0	Đạt
10	E.Coli (< 1 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	0	Đạt

(*): *Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017.*

Cà Mau, ngày 19 tháng 10 năm 2026

NGƯỜI LẬP

Mã Tú Tụa

P. TRƯỞNG PHÒNG

Trương Thị Kim Loan

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU
PHÒNG THỬ NGHIỆM THUỘC PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN
Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 3, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau

VLAT 1.1488
ISO/IEC 17025:2017

TỔNG HỢP CHẤT LƯỢNG NƯỚC - THÁNG 10/ 2026
KHU VỰC CÁC XÃ

TT	Mã số mẫu / Thông số (giới hạn cho phép)	CNCN SÔNG ĐỐC							Đánh giá kết quả
		26.ĐK.0754	26.ĐK.0755	26.ĐK.0756	26.ĐK.0757	26.ĐK.0758	26.ĐK.0759	26.ĐK.0760	
		1	2	3	4	5	6	7	
1	Màu sắc (*) (≤ 15 TCU)	8	8	7	9	9	10	8	Đạt
2	Mùi (không có mùi lạ)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
3	Độ đục (*) (≤ 2NTU)	0.47	0.41	0.49	0.51	0.48	0.46	0.50	Đạt
4	Clo dư (*) (0.2-1.0mg/l)	0.78	0.71	0.70	0.47	0.34	0.49	0.29	Đạt
5	pH (*) (6.0-8.5)	7.84	7.89	7.76	7.84	7.93	7.81	7.95	Đạt
6	Amoni (tính theo N) (*) (≤ 1 mg/l)	0.18	0.19	0.16	0.15	0.16	0.21	0.18	Đạt
7	Permanganat (≤ 2 mg/l)	1.3	1.4	1.4	1.3	1.3	1.4	1.3	Đạt
8	Arsenic (≤ 0.01mg/l)	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
9	Coliform TC (< 1 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	Đạt
10	E.Coli (< 1 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	Đạt

(*): *Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017.*

Cà Mau, ngày 19 tháng 10 năm 2026

NGƯỜI LẬP

Mã Tú Tụa

P. TRƯỞNG PHÒNG

Trương Thị Kim Loan

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU
PHÒNG THỬ NGHIỆM THUỘC PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN
Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 3, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau

ilac-MRA AOSC VLAT 1.1488 ISO/IEC 17025:2017

TỔNG HỢP CHẤT LƯỢNG NƯỚC - THÁNG 10/ 2026
KHU VỰC CÁC XÃ

TT	Mã số mẫu / Thông số (giới hạn cho phép)	CNCN TRẦN VĂN THỜI				CNCN CÁI NƯỚC				Đánh giá kết quả
		26.ĐK.0761	26.ĐK.0762	26.ĐK.0763	26.ĐK.0764	26.ĐK.0765	26.ĐK.0766	26.ĐK.0767	26.ĐK.0768	
		1	2	3	4	1	2	3	4	
1	Màu sắc (*) (≤ 15 TCU)	7	8	9	9	7	8	9	8	Đạt
2	Mùi (không có mùi lạ)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
3	Độ đục (*) (≤ 2NTU)	0.40	0.36	0.39	0.44	0.46	0.36	0.41	0.52	Đạt
4	Clo dư (*) (0.2-1.0mg/l)	0.71	0.78	0.47	0.28	0.79	0.72	0.43	0.26	Đạt
5	pH (*) (6.0-8.5)	7.81	7.96	7.85	7.92	7.88	7.79	7.84	7.95	Đạt
6	Amoni (tính theo N) (*) (≤ 1 mg/l)	0.19	0.17	0.18	0.21	0.20	0.17	0.16	0.21	Đạt
7	Permanganat (≤ 2 mg/l)	1.4	1.5	1.4	1.6	1.3	1.4	1.5	1.4	Đạt
8	Arsenic (≤ 0.01mg/l)	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
9	Coliform TC (< 1 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	0	Đạt
10	E.Coli (< 1 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	0	Đạt

(*): *Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017.*

Cà Mau, ngày 19 tháng 10 năm 2026

NGƯỜI LẬP

Mã Tú Tụa

P. TRƯỞNG PHÒNG

Trương Thị Kim Loan

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU
PHÒNG THỬ NGHIỆM THUỘC PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN
Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 3, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau

VLAT 1.1488
ISO/IEC 17025:2017

TỔNG HỢP CHẤT LƯỢNG NƯỚC - THÁNG 10/ 2026
KHU VỰC CÁC XÃ

TT	Mã số mẫu / Thông số (giới hạn cho phép)	CNCN ĐẦM DƠI					CNCN ĐẦM DƠI. QP		Đánh giá kết quả
		26.ĐK.0769	26.ĐK.0770	26.ĐK.0771	26.ĐK.0772	26.ĐK.0773	26.ĐK.0774	26.ĐK.0775	
		1	2	3	4	5	1	2	
1	Màu sắc (*) (≤ 15 TCU)	8	8	7	9	9	7	8	Đạt
2	Mùi (không có mùi lạ)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
3	Độ đục (*) (≤ 2NTU)	0.52	0.57	0.56	0.61	0.63	0.68	0.71	Đạt
4	Clo dư (*) (0.2-1.0mg/l)	0.72	0.75	0.77	0.44	0.33	0.70	0.26	Đạt
5	pH (*) (6.0-8.5)	7.84	7.96	7.88	7.89	7.93	7.81	7.82	Đạt
6	Amoni (tính theo N) (*) (≤ 1 mg/l)	0.18	0.17	0.20	0.17	0.21	0.19	0.18	Đạt
7	Permanganat (≤ 2 mg/l)	1.3	1.4	1.4	1.6	1.5	1.4	1.5	Đạt
8	Arsenic (≤ 0.01mg/l)	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
9	Coliform TC (< 1 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	Đạt
10	E.Coli (< 1 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	Đạt

(*): *Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017.*

Cà Mau, ngày 19 tháng 10 năm 2026

NGƯỜI LẬP

Mã Tú Tụa

P. TRƯỞNG PHÒNG

Trương Thị Kim Loan

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU
PHÒNG THỬ NGHIỆM THUỘC PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN
Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 3, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau

VLAT 1.1488
ISO/IEC 17025:2017

TỔNG HỢP CHẤT LƯỢNG NƯỚC - THÁNG 10/ 2026
KHU VỰC CÁC XÃ

TT	Mã số mẫu / Thông số (giới hạn cho phép)	CNCN KHÁNH AN									Đánh giá kết quả
		26.ĐK.0776	26.ĐK.0777	26.ĐK.0778	26.ĐK.0779	26.ĐK.0780	26.ĐK.0781	26.ĐK.0782	26.ĐK.0783	26.ĐK.0784	
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	
1	Màu sắc (*) (≤ 15 TCU)	8	7	7	9	8	9	9	8	9	Đạt
2	Mùi (không có mùi lạ)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
3	Độ đục (*) (≤ 2NTU)	0.42	0.47	0.51	0.55	0.59	0.60	0.62	0.58	0.61	Đạt
4	Clo dư (*) (0.2-1.0mg/l)	0.73	0.72	0.74	0.45	0.33	0.48	0.28	0.49	0.28	Đạt
5	pH (*) (6.0-8.5)	7.75	7.96	7.84	7.86	7.39	7.88	7.91	7.85	7.74	Đạt
6	Amoni (tính theo N) (*) (≤ 1 mg/l)	0.18	0.17	0.23	0.20	0.17	0.24	0.19	0.22	0.21	Đạt
7	Permanganat (≤ 2 mg/l)	1.3	1.4	1.3	1.5	1.6	1.3	1.5	1.7	1.5	Đạt
8	Arsenic (≤ 0.01mg/l)	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
9	Coliform TC (< 1 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	Đạt
10	E.Coli (< 1 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	Đạt

(*): *Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017.*

Cà Mau, ngày 19 tháng 10 năm 2026

NGƯỜI LẬP

Mã Tú Tụa

P. TRƯỞNG PHÒNG

Trương Thị Kim Loan

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

PHÒNG THỬ NGHIỆM THUỘC PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN

Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 3, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau

VLAT 1.1488
ISO/IEC 17025:2017

TỔNG HỢP CHẤT LƯỢNG NƯỚC - THÁNG 10/ 2026
KHU VỰC CÁC XÃ

TT	Mã số mẫu / Thông số (giới hạn cho phép)	CNCN NGỌC HIỂN					CNCN CÁI ĐÔI VÀM. VT		Đánh giá kết quả
		26.ĐK.0785	26.ĐK.0786	26.ĐK.0787	26.ĐK.0788	26.ĐK.0789	26.ĐK.0790	26.ĐK.0791	
		1	2	3	4	5	1	2	
1	Màu sắc (*) (≤ 15 TCU)	8	7	7	9	9	8	9	Đạt
2	Mùi (không có mùi lạ)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
3	Độ đục (*) (≤ 2NTU)	0.48	0.45	0.51	0.56	0.64	0.56	0.53	Đạt
4	Clo dư (*) (0.2-1.0mg/l)	0.72	0.86	0.71	0.40	0.30	0.56	0.29	Đạt
5	pH (*) (6.0-8.5)	7.85	7.91	7.84	7.96	7.88	7.84	7.85	Đạt
6	Amoni (tính theo N) (*) (≤ 1 mg/l)	0.18	0.17	0.24	0.23	0.17	0.20	0.26	Đạt
7	Permanganat (≤ 2 mg/l)	1.4	1.3	1.4	1.3	1.5	1.4	1.3	Đạt
8	Arsenic (≤ 0.01mg/l)	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
9	Coliform TC (< 1 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	Đạt
10	E.Coli (< 1 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	Đạt

(*): *Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017.*

Cà Mau, ngày 19 tháng 10 năm 2026

NGƯỜI LẬP

Mã Tú Tụa

P. TRƯỞNG PHÒNG

Trương Thị Kim Loan

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

PHÒNG THỬ NGHIỆM THUỘC PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN

Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 3, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau

VLAT 1.1488
ISO/IEC 17025:2017

TỔNG HỢP CHẤT LƯỢNG NƯỚC - THÁNG 10/ 2026
KHU VỰC CÁC XÃ

TT	Mã số mẫu / Thông số (giới hạn cho phép)	CNCN THỚI BÌNH								Đánh giá kết quả
		26.ĐK.0792	26.ĐK.0793	26.ĐK.0794	26.ĐK.0795	26.ĐK.0796	26.ĐK.0797	26.ĐK.0798	26.ĐK.0799	
		1	2	3	4	5	6	7	8	
1	Màu sắc (*) (≤ 15 TCU)	8	7	7	9	9	10	8	9	Đạt
2	Mùi (không có mùi lạ)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
3	Độ đục (*) (≤ 2NTU)	0.48	0.45	0.51	0.56	0.64	0.58	0.56	0.53	Đạt
4	Clo dư (*) (0.2-1.0mg/l)	0.72	0.86	0.71	0.40	0.30	0.27	0.56	0.29	Đạt
5	pH (*) (6.0-8.5)	7.85	7.91	7.84	7.96	7.88	7.93	7.84	7.85	Đạt
6	Amoni (tính theo N) (*) (≤ 1 mg/l)	0.18	0.17	0.24	0.23	0.17	0.19	0.20	0.26	Đạt
7	Permanganat (≤ 2 mg/l)	1.4	1.3	1.4	1.3	1.5	1.3	1.4	1.3	Đạt
8	Arsenic (≤ 0.01mg/l)	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
9	Coliform TC (< 1 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	0	Đạt
10	E.Coli (< 1 CFU /100ml)	0	0	0	0	0	0	0	0	Đạt

(*): *Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017.*

Cà Mau, ngày 19 tháng 10 năm 2026

NGƯỜI LẬP

Mã Tú Tụa

P. TRƯỞNG PHÒNG

Trương Thị Kim Loan